

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21CKA

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/6/2022

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111821001	Trần Hoàng Ân	14/10/2003	Nam	7,5	3,5	5,5	001			
2	111821002	Thạch Minh Đạt	14/10/2003	Nam	7,5	—	—	—			Vắng
3	111821003	Nguyễn Thành Đô	13/01/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	003			
4	111821004	Nguyễn Tấn Duy	10/10/2003	Nam	7,5	—	—	—			Vắng
5	111821006	Thái Chí Hải	05/10/2003	Nam	7,0	2,3	4,7	005			
6	111821007	Lý Hải	05/03/2003	Nam	7,5	—	—	—			Vắng
7	111821009	Nguyễn Văn Hậu	02/12/2003	Nam	7,5	—	—	—			Vắng
8	111821013	Thạch Ngọc Huy	13/01/2003	Nam	7,0	2,8	4,9	008			
9	111821015	Trương Bảo Khanh	15/10/2003	Nam	7,5	4,8	6,2	009			
10	111821017	Nguyễn Minh Khôi	27/12/2003	Nam	7,0	2,3	4,7	010			
11	111821019	Nguyễn Văn Sĩ Lâm	15/07/2003	Nam	7,8	2,5	5,2	011			
12	111821025	Huỳnh Lê Công Lực	14/08/2003	Nam	7,5	3,0	5,3	012			
13	111821026	Lê Thành Nghiệp	02/07/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	013			
14	111821028	Sơn Thiên Tân	17/03/2003	Nữ	7,0	3,0	5,0	014			
15	111821029	Đặng Thành Thái	02/10/2003	Nam	7,8	2,8	5,3	015			
16	111821030	Kim Oanh Thone	15/05/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	016			
17	111821033	Nguyễn Minh Thùy	19/01/2003	Nam	7,5	3,0	5,3	—			
18	111821034	Lê Trung Tín	25/05/2003	Nam	7,5	—	—	—			Vắng
19	111821035	Thạch Tranh	01/02/2003	Nam	7,5	2,5	5,0	019			
20	111821036	Nguyễn Minh Trí	22/02/2003	Nam	7,0	—	—	—			Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21CKA

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: Tự luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 6 / 2022Phòng thi: 071.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111821046	Lê Nhật Thông	05/01/2003	Nam	7,5	—	—	—	—	—	—
2	111821054	Tiêu Anh Tuấn	02/04/2003	Nam	7,5	—	—	—	—	—	—
3	111821061	Thạch Dư	05/05/2003	Nam	7,5	3.8	5.7	003	Th	—	—
4	111821063	Thạch Hữu Đức	10/10/2002	Nam	7,0	1.8	4.4	004	Đức	—	—
5	111821064	Thạch Thanh Huy	23/08/2003	Nam	7,5	—	—	—	—	—	—
6	111821067	Nguyễn Hoàng An	23/08/2003	Nam	7,5	4.8	6.2	006	An	—	—
7	111821068	Phạm Phúc Qui	25/04/2003	Nam	7,5	3.5	6.5	007	Qui	—	—
8	111821093	Châu Xuân Phú	26/01/2003	Nam	7,0	—	—	—	—	—	—
9	111821097	Trần Gia Huy	27/07/2003	Nam	7,5	4.0	5.8	009	Huy	—	—
10	111821117	Kim Văn Tấn	19/02/2003	Nam	7,5	3.3	5.4	010	Tấn	—	—
11	111821118	Châu Nhĩ Thái	10/08/2003	Nam	9,5	3.0	6.3	011	Th	—	—
12	111821131	Sơn So Phara	10/04/2002	Nam	7,5	—	—	—	—	—	Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm: Đinh Cao Dương, Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21CKB

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: Các nghiên cứu

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 06 / 2022Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111821039	Nguyễn Thanh Tân	13/11/2003	Nam	8,0	2.8	5.4	001	Tan		
2	111821040	Nguyễn Minh Thuận	23/11/2003	Nam	8,0	2.8	5.4	002	Minh		
3	111821041	Trần Gia Bảo	29/07/2003	Nam	7,5	2.5	5.0	003	Bao		
4	111821042	Nguyễn Tấn Quý	08/05/2003	Nam	8,5	3.0	5.8	004	Quy		
5	111821043	Cao Thuận Thảo	22/10/2003	Nam	8,0	3.3	5.7	005	Thao		
6	111821044	Phạm Văn Trí	07/06/2003	Nam	8,0	—	—	—	Pham		
7	111821047	Nguyễn Hoàng Khang	09/08/2003	Nam	7,5	—	—	—	Khang		
8	111821048	Dương Hoàng Ân	07/11/2003	Nam	8,0	3.3	5.7	008	An		
9	111821049	Huỳnh Quý Duy	07/08/2003	Nam	9,5	4.5	7.0	009	Duy		
10	111821050	Lê Hoàng Huy	22/08/2003	Nam	8,0	2.8	5.4	010	Huy		
11	111821055	Lương Minh Tiến	19/03/2003	Nam	8,0	2.3	5.2	011	Tien		
12	111821058	Võ Tấn Lực	04/04/2003	Nam	8,0	—	—	—	Luc		
13	111821059	Chau Sóc Phi	10/05/1996	Nam	8,0	—	—	—	Phi		
14	111821062	Thạch Thanh Lộc	17/07/2003	Nam	8,0	3.3	5.7	014	Loc		
15	111821137	Huỳnh Đăng Khoa	29/04/2003	Nam	8,0	4.0	6.0	015	Khoa		
16	111821138	Nguyễn Văn Hiền	24/08/2003	Nam	8,0	—	—	—	Hien		
17	111821139	Đặng Văn Thọ	26/04/2003	Nam	7,8	3.8	5.8	017	Tho		
18	111821140	Đỗ Thành Phát	13/12/2003	Nam	8,0	3.3	5.7	018	Phat		
19	111821141	Kim Hoàng Huy	03/02/2003	Nam	7,5	—	—	—	Huy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Cao Ngọc Xuân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21HD

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/6/2022

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112621001	Lê Thị Ngọc	Điệp	14/11/2003	Nữ	8,5	6,5	7,5	001		
2	118821003	Trần Gia	Linh	07/07/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	002		
3	118821005	Dương Thị Uyên	Nhi	07/09/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	003		
4	118821007	Tổng Huỳnh	Nhi	09/11/2003	Nữ						
5	118821017	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/07/2003	Nữ	8,3	5,0	6,7	005		
6	118821020	Trần Khánh	Đoan	14/11/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	006		
7	118821021	Trịnh Lâm Phi	Yến	16/11/2003	Nữ						
8	118821022	Ngô Anh	Hào	17/02/2003	Nam						
9	118821027	La Thị Hoa	Huệ	19/10/2003	Nữ	8,5	4,5	6,5	009		
10	118821035	Trần Lê Minh	Huy	20/11/2003	Nam	8,5	3,5	6,0	010		
11	118821038	Lâm Thị Bích	Liễu	01/01/2002	Nữ	8,0	3,5	5,8	011		
12	118821040	Huỳnh Kim	Phượng	30/03/2003	Nữ	8,5	4,0	6,3	012		
13	118821041	Nguyễn Chí	Khang	22/06/2003	Nam	7,5					
14	118821043	Hồ Thị Mỹ	Hiền	22/02/2003	Nữ						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương, Phuong Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21SPTK

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17/6/2022

Phòng thi: 071108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118221002	Danh Thị	Lel	10/06/2001	Nữ	8,5	4.3	6.4	015	<u>TL</u>	64
2	118221003	Chau	Rin	16/06/2003	Nam	8,5	5.5	7.0	016	<u>TL</u>	
3	118221011	Kim Thị Nhi	Binh	11/02/2003	Nữ	8,3	3.5	5.9	017	<u>Binh</u>	
4	118221012	Thạch	Dương	05/02/2003	Nam	8,0	4.3	6.2	018	<u>Thạch</u>	
5	118221017	Diệp Thái Ly	Đa	12/01/2003	Nam	8,0	4.3	6.2	019	<u>TL</u>	
6	118221019	Thạch	Son	09/02/2003	Nam	/	/	/	/	/	V
7	118221022	Diệp Văn	Thia	21/10/2003	Nam	7,8	4.5	6.2	021	<u>TL</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: /

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 60%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21SNV

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 06 / 2022Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113721002	Trần Thị Phương	Đài	12/01/2003	Nữ	7,5	5.8	6.7	001	<u>Ph</u>	
2	113721003	Kim Thị Huỳnh	Giao	18/09/2003	Nữ	8,0	5.3	6.7	002	<u>Kim</u>	
3	113721008	Nguyễn Châu Mộng	Huyền	31/03/2003	Nữ	8,5	4.8	6.7	003	<u>Mu</u>	
4	113721010	Nguyễn Quốc	Khánh	27/12/2003	Nam	8,8	5.3	7.1	004	<u>Khao</u>	
5	113721011	Nguyễn Đăng	Khoa	05/06/2003	Nam	8,0	3.5	5.8	005	<u>Khoa</u>	
6	113721013	Thạch Thị Thanh	Nhi	14/02/2003	Nữ	8,0	4.3	6.2	006	<u>Th</u>	
7	113721016	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	11/12/2003	Nữ	8,0	3.3	5.7	007	<u>Nguy</u>	
8	113721017	Nguyễn Chí	Thiện	12/04/2003	Nam	8,0	4.3	6.2	008	<u>Ch</u>	
9	113721018	Lê Thị Minh	Thư	31/10/2003	Nữ	7,5	4.8	6.2	009	<u>Th</u>	
10	113721019	Phạm Thị Anh	Thư	26/03/2001	Nữ	8,0	3.5	5.8	010	<u>Ph</u>	
11	113721020	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	28/03/2003	Nữ	8,0	—	—	—	—	Vắng
12	113721021	Trần Xuân	Trúc	20/02/2003	Nữ	7,5	3.8	5.7	012	<u>Tr</u>	
13	113721022	Phạm Hoàng	Huyền	28/05/2003	Nữ	8,0	4.3	6.2	013	<u>Ph</u>	
14	113721023	Nguyễn Sơn Đăng	Trình	10/01/2003	Nam	8,0	5.8	6.9	014	<u>Tr</u>	
15	113721026	Nguyễn Mỹ	Hằng	09/02/2003	Nữ	—	—	—	—	—	Vắng
16	113721028	Huỳnh Hồng	Yến	04/06/2003	Nữ	8,0	5.5	6.8	016	<u>Ph</u>	
17	113721029	Đặng Nguyễn Trường	Kha	14/06/2003	Nam	8,0	2.0	5.0	017	<u>Ph</u>	
18	113721033	Kiên Trần Hoàng	Trình	24/05/2003	Nữ	8,0	3.0	5.5	018	<u>Ph</u>	
19	113721034	Diệp Chí	Khải	27/10/2003	Nam	7,5	5.3	6.4	019	<u>Ph</u>	
20	113721035	Nguyễn Thị Phương	Như	04/10/2003	Nữ	8,0	3.8	5.9	020	<u>Ph</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18Tổng số tờ: 18Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022Cán bộ coi thi 1: Đinh Nguyễn Anh PhiCán bộ ghi điểm: Đinh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21SNV

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 6 / 2022

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh
1	113721038	Thạch Chi Na	01/01/2000	Nam	8,0	4,8	6,4	002	Duyce		
2	113721039	Lê Thị Kiều Duyên	20/11/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	003	Junliu		
3	113721040	Ngô Thị Kim Hương	25/07/1997	Nữ	8,0	2,8	5,4	004	Chen		
4	113721041	Đồng Minh Tân	20/10/2003	Nam	8,0	5,8	6,9	006	Thuyke		
5	113721042	Đặng Nhựt Huy	27/09/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	007	Chen		
6	113721043	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	21/04/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	008	Chen		
7	113721045	Nguyễn Công Thuận	28/08/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	010	Bao		
8	113721049	Trần Thị Đình Đang	30/07/2003	Nữ	7,5	5,3	6,4	011	Junliu		
9	113721050	Dương Quốc Bảo	29/06/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	012	Junliu		
10	113721051	Hồ Nguyên Bảo	28/06/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	013	Junliu		
11	113721052	Son Hồng Linh	22/08/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	014	Junliu		
12	113721053	Nguyễn Thị Anh Thư	10/07/2003	Nữ	8,0	4,8	6,4	015	Junliu		
13	113721054	Trần Minh Thư	27/03/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	016	Junliu		
14	113721055	Nguyễn Phan Hoàng Ngọc	09/12/2003	Nữ	8,3	4,8	6,6	017	Junliu		
15	113721056	Phạm Trần Nhật Huy	06/08/2003	Nam	7,5	3,3	5,4	018	Junliu		
16	113721057	Nguyễn Thị Phương Anh	13/06/2003	Nữ	8,0	6,3	7,2	019	Junliu		
17	113721058	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/01/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	020	Junliu		
18	113721059	Nguyễn Thị Phương Tường	12/10/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	019	Junliu		
19	113721061	Trần Thanh Ngân	01/03/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	020	ng		
20	113721062	Phan Tịnh Nghi	25/12/2003	Nữ							

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra:

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21SNV

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc:

17 / 06 / 2022Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	113721063	Lư Gia	Hân	22/05/2003	Nữ	8,0	4.0	6.0	001	thanh	
2	113721064	Nguyễn Lâm Mộng	Duyên	25/06/2003	Nữ	8,0	7.3	7.7	002	Phu	
3	113721065	Đặng Thị Kiều	Hoa	26/09/2003	Nữ	8,3	5.0	6.7	003	Phu	
4	113721066	Nguyễn Lê Anh	Thư	07/09/2003	Nữ	8,5	5.0	6.8	004	Thư	
5	113721067	Nguyễn Thị Mỹ	Lil	26/03/2003	Nữ	8,0	5.0	6.5	005	Phu	
6	113721068	Trần Thị Cẩm	Tú	02/01/2003	Nữ	8,0	7.0	7.5	006	Phu	
7	113721069	Lê Thị Cẩm	Nhung	02/11/2003	Nữ	8,0	6.3	7.2	007	Nhung	
8	113721071	Huỳnh Vĩnh	Tân	03/02/2003	Nam	8,0	4.0	6.0	008	Phu	
9	113721073	Kim Thế	Vinh	24/10/2003	Nam	8,0	4.3	6.2	009	ch	
10	113721074	Kim Thị Bích	Phụng	22/07/2003	Nữ	7,5	5.0	6.3	010	Phu	
11	113721075	Thạch Thị Ngọc	Trinh	05/04/2003	Nữ	8,3	5.0	6.7	011	Phu	
12	113721076	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	11/01/2003	Nữ	8,0	5.5	6.8	012	Thuy	
13	113721078	Thạch Thị Ngọc	Hân	16/01/2003	Nữ	—	—	—	—	—	
14	113721080	Trần Hoàng	Phúc	09/07/2003	Nam	8,0	4.5	6.3	014	Phu	
15	113721081	Võ Thị Hồng	Thắm	16/12/2003	Nữ	—	—	—	—	—	
16	113721084	Dương Thúy	Vy	27/03/2003	Nữ	8,3	7.3	7.8	016	Phu	
17	113721085	Âu Tuyết	Anh	01/09/2003	Nữ	7,5	6.3	6.9	017	Phu	
18	113721086	Châu Phong	Nhã	20/08/2003	Nam	8,3	5.8	7.1	018	Phu	
19	113721088	Trần Hoàng	Nhân	18/10/2003	Nam	8,8	—	—	—	—	
20	113721089	Kim Thị Ngọc	Linh	29/09/2003	Nữ	8,0	4.8	6.4	020	Phu	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022Cán bộ coi thi 1: Phu Nguyễn Ngọc TuấnCán bộ ghi điểm: Phu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phu Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (64 -)/DA21SNV

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 06 / 2022

Phòng thi: 071.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	113721090	Đoàn Ngọc	Nhi	09/08/2003	Nữ	<u>7,5</u>	<u>3,8</u>	<u>5,7</u>	<u>021</u>	<u>nhi</u>		
2	113721091	Trần Thị	Như	09/10/2003	Nữ	<u>8,3</u>	<u>6,0</u>	<u>7,2</u>	<u>022</u>	<u>Như</u>		
3	113721092	Trần Ngọc Vĩnh	Hân	24/07/2003	Nữ	<u>8,0</u>	<u>4,5</u>	<u>6,3</u>	<u>023</u>	<u>Hân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Tuấn

Cán bộ ghi điểm: Đoàn Ngọc Nhi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21CKB phòng D71.107, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	111821039	Nguyễn Thanh Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_001	DA21CKB	11	2.75	
2	111821040	Nguyễn Minh Thuận	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_002	DA21CKB	11	2.75	
3	111821041	Trần Gia Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_003	DA21CKB	10	2.5	
4	111821042	Nguyễn Tấn Quý	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_004	DA21CKB	12	3	
5	111821043	Cao Thuận Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_005	DA21CKB	13	3.25	
6	111821044	Phạm Văn Trí	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_006	DA21CKB	0	0	
7	111821047	Nguyễn Hoàng Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_007	DA21CKB	0	0	
8	111821048	Dương Hoàng Ân	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_008	DA21CKB	13	3.25	
9	111821049	Huỳnh Quý Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_009	DA21CKB	18	4.5	
10	111821050	Lê Hoàng Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_010	DA21CKB	11	2.75	
11	111821055	Lương Minh Tiến	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_011	DA21CKB	9	2.25	
12	111821058	Võ Tấn Lực	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_012	DA21CKB	0	0	
13	111821059	Chau Sóc Phi	1996	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_013	DA21CKB	0	0	
14	111821062	Thạch Thanh Lộc	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_014	DA21CKB	13	3.25	
15	111821137	Huỳnh Đăng Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_015	DA21CKB	16	4	
16	111821138	Nguyễn Văn Hiền	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_016	DA21CKB	0	0	
17	111821139	Đặng Văn Thọ	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_017	DA21CKB	15	3.75	
18	111821140	Đỗ Thành Phát	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_018	DA21CKB	13	3.25	
19	111821141	Kim Hoàng Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKB-D71.107-T170622_019	DA21CKB	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21HD phòng D71.108, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Gh
1	112621001	Lê Thị Ngọc Diệp	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_001	DA21HD	26	6.5	
2	118221002	Danh Thị Lel	2001	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_015	DA21SPTK	17	4.25	
3	118221003	Chau Rin	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_016	DA21SPTK	22	5.5	
4	118221011	Kim Thị Nhi Bình	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_017	DA21SPTK	14	3.5	
5	118221012	Thạch Dương	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_018	DA21SPTK	17	4.25	
6	118221017	Diệp Thái Ly Đa	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_019	DA21SPTK	17	4.25	
7	118221019	Thạch Sơn	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_020	DA21SPTK	0	0	
8	118221022	Diệp Văn Thia	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_021	DA21SPTK	18	4.5	
9	118821003	Trần Gia Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_002	DA21HD	17	4.25	
10	118821005	Dương Thị Uyên Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_003	DA21HD	20	5	
11	118821007	Tổng Huỳnh Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_004	DA21HD	0	0	
12	118821017	Nguyễn Thị Cẩm Tú	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_005	DA21HD	20	5	
13	118821020	Trần Khánh Đoan	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_006	DA21HD	15	3.75	
14	118821021	Trịnh Lâm Phi Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_007	DA21HD	0	0	
15	118821022	Ngô Anh Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_008	DA21HD	0	0	
16	118821027	La Thị Hoa Huệ	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_009	DA21HD	18	4.5	
17	118821035	Trần Lê Minh Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_010	DA21HD	14	3.5	
18	118821038	Lâm Thị Bích Liễu	2002	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_011	DA21HD	14	3.5	
19	118821040	Huỳnh Kim Phượng	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_012	DA21HD	16	4	
20	118821041	Nguyễn Chí Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_013	DA21HD	0	0	
21	118821043	Hồ Thị Mỹ Hiền	2003	LLCT-THM-L-DA21HD-D71.108-T170622_014	DA21HD	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21CKA phòng D71.109, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	111821001	Trần Hoàng Ân	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_001	DA21CKA	14	3.5	
2	111821002	Thạch Minh Đạt	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_002	DA21CKA	0	0	
3	111821003	Nguyễn Thành Đô	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_003	DA21CKA	17	4.25	
4	111821004	Nguyễn Tấn Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_004	DA21CKA	0	0	
5	111821006	Thái Chí Hải	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_005	DA21CKA	9	2.25	
6	111821007	Lý Hải	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_006	DA21CKA	0	0	
7	111821009	Nguyễn Văn Hậu	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_007	DA21CKA	0	0	
8	111821013	Thạch Ngọc Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_008	DA21CKA	11	2.75	
9	111821015	Trương Bảo Khanh	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_009	DA21CKA	19	4.75	
10	111821017	Nguyễn Minh Khôi	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_010	DA21CKA	9	2.25	
11	111821019	Nguyễn Văn Sĩ Lâm	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_011	DA21CKA	10	2.5	
12	111821025	Huỳnh Lê Công Lực	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_012	DA21CKA	12	3	
13	111821026	Lê Thành Nghiệp	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_013	DA21CKA	16	4	
14	111821028	Sơn Thiên Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_014	DA21CKA	12	3	
15	111821029	Đặng Thành Thái	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_015	DA21CKA	11	2.75	
16	111821030	Kim Oanh Thone	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_016	DA21CKA	17	4.25	
17	111821033	Nguyễn Minh Thùy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_017	DA21CKA	12	3	
18	111821034	Lê Trung Tín	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_018	DA21CKA	0	0	
19	111821035	Thạch Tranh	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_019	DA21CKA	10	2.5	
20	111821036	Nguyễn Minh Trí	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.109-T170622_020	DA21CKA	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21CKA phòng D71.110, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	111821046	Lê Nhật Thông	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_001	DA21CKA	0	0	
2	111821054	Tiêu Anh Tuấn	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_002	DA21CKA	0	0	
3	111821061	Thạch Dư	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_003	DA21CKA	15	3.75	
4	111821063	Thạch Hữu Đức	2002	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_004	DA21CKA	7	1.75	
5	111821064	Thạch Thanh Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_005	DA21CKA	0	0	
6	111821067	Nguyễn Hoàng An	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_006	DA21CKA	19	4.75	
7	111821068	Phạm Phúc Qui	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_007	DA21CKA	14	3.5	
8	111821093	Châu Xuân Phú	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_008	DA21CKA	0	0	
9	111821097	Trần Gia Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_009	DA21CKA	16	4	
10	111821117	Kim Văn Tấn	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_010	DA21CKA	13	3.25	
11	111821118	Châu Nhĩ Thái	2003	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_011	DA21CKA	12	3	
12	111821131	Sơn So Phara	2002	LLCT-THM-L-DA21CKA-D71.110-T170622_012	DA21CKA	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21SNV phòng D71.111, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	113721002	Trần Thị Phương Đài	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_001	DA21SNV	23	5.75	
2	113721003	Kim Thị Huỳnh Giao	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_002	DA21SNV	21	5.25	
3	113721008	Nguyễn Châu Mộng Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_003	DA21SNV	19	4.75	
4	113721010	Nguyễn Quốc Khánh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_004	DA21SNV	21	5.25	
5	113721011	Nguyễn Đăng Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_005	DA21SNV	14	3.5	
6	113721013	Thạch Thị Thanh Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_006	DA21SNV	17	4.25	
7	113721016	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_007	DA21SNV	13	3.25	
8	113721017	Nguyễn Chí Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_008	DA21SNV	17	4.25	
9	113721018	Lê Thị Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_009	DA21SNV	19	4.75	
10	113721019	Phạm Thị Anh Thư	2001	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_010	DA21SNV	14	3.5	
11	113721020	Nguyễn Ngọc Anh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_011	DA21SNV	0	0	
12	113721021	Trần Xuân Trúc	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_012	DA21SNV	15	3.75	
13	113721022	Phạm Hoàng Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_013	DA21SNV	17	4.25	
14	113721023	Nguyễn Sơn Đăng Trình	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_014	DA21SNV	23	5.75	
15	113721026	Nguyễn Mỹ Hằng	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_015	DA21SNV	0	0	
16	113721028	Huỳnh Hồng Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_016	DA21SNV	22	5.5	
17	113721029	Đặng Nguyễn Trường Kha	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_017	DA21SNV	8	2	
18	113721033	Kiên Trần Hoàng Trình	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_018	DA21SNV	12	3	
19	113721034	Diệp Chí Khải	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_019	DA21SNV	21	5.25	
20	113721035	Nguyễn Thị Phương Như	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.111-T170622_020	DA21SNV	15	3.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21SNV phòng D71.112, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	113721038	Thạch Chi Na	2000	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_001	DA21SNV	0	0	
2	113721039	Lê Thị Kiều Duyên	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_002	DA21SNV	19	4.75	
3	113721040	Ngô Thị Kim Hương	1997	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_003	DA21SNV	20	5	
4	113721041	Đồng Minh Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_004	DA21SNV	11	2.75	
5	113721042	Đặng Nhựt Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_005	DA21SNV	0	0	
6	113721043	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_006	DA21SNV	23	5.75	
7	113721045	Nguyễn Công Thuận	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_007	DA21SNV	18	4.5	
8	113721049	Trần Thị Đình Đang	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_008	DA21SNV	16	4	
9	113721050	Dương Quốc Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_009	DA21SNV	0	0	
10	113721051	Hồ Nguyên Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_010	DA21SNV	12	3	
11	113721052	Sơn Hồng Lĩnh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_011	DA21SNV	21	5.25	
12	113721053	Nguyễn Thị Anh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_012	DA21SNV	20	5	
13	113721054	Trần Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_013	DA21SNV	19	4.75	
14	113721055	Nguyễn Phan Hoàng Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_014	DA21SNV	18	4.5	
15	113721056	Phạm Trần Nhật Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_015	DA21SNV	19	4.75	
16	113721057	Nguyễn Thị Phương Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_016	DA21SNV	13	3.25	
17	113721058	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_017	DA21SNV	25	6.25	
18	113721059	Nguyễn Thị Phương Tường	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_018	DA21SNV	16	4	
19	113721061	Trần Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_019	DA21SNV	20	5	
20	113721062	Phan Tịnh Nghi	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.112-T170622_020	DA21SNV	20	5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21SNV phòng D71.113, buổi Tối ngày 17/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	113721063	Lư Gia Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_001	DA21SNV	16	4	
2	113721064	Nguyễn Lâm Mộng Duyên	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_002	DA21SNV	29	7.25	
3	113721065	Đặng Thị Kiều Hoa	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_003	DA21SNV	20	5	
4	113721066	Nguyễn Lê Anh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_004	DA21SNV	20	5	
5	113721067	Nguyễn Thị Mỹ Lil	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_005	DA21SNV	20	5	
6	113721068	Trần Thị Cẩm Tú	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_006	DA21SNV	28	7	
7	113721069	Lê Thị Cẩm Nhung	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_007	DA21SNV	25	6.25	
8	113721071	Huỳnh Vĩnh Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_008	DA21SNV	16	4	
9	113721073	Kim Thế Vinh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_009	DA21SNV	17	4.25	
10	113721074	Kim Thị Bích Phụng	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_010	DA21SNV	20	5	
11	113721075	Thạch Thị Ngọc Trinh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_011	DA21SNV	20	5	
12	113721076	Nguyễn Thị Thúy Diễm	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_012	DA21SNV	22	5.5	
13	113721078	Thạch Thị Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_013	DA21SNV	0	0	
14	113721080	Trần Hoàng Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_014	DA21SNV	18	4.5	
15	113721081	Võ Thị Hồng Thắm	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_015	DA21SNV	0	0	
16	113721084	Dương Thúy Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_016	DA21SNV	29	7.25	
17	113721085	Âu Tuyết Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_017	DA21SNV	25	6.25	
18	113721086	Châu Phong Nhã	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_018	DA21SNV	23	5.75	
19	113721088	Trần Hoàng Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_019	DA21SNV	0	0	
20	113721089	Kim Thị Ngọc Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_020	DA21SNV	19	4.75	
21	113721090	Đoàn Ngọc Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_021	DA21SNV	15	3.75	
22	113721091	Trần Thị Như	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_022	DA21SNV	24	6	
23	113721092	Trần Ngọc Vĩnh Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21SNV-D71.113-T170622_023	DA21SNV	18	4.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2